

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

NGÀNH : NGÔN NGỮ ANH

MÃ NGÀNH : 7220201

I. THÔNG TIN CHUNG:

1.1. Giới thiệu về chương trình đào tạo:

Tên ngành đào tạo:

- Tên tiếng Việt: **NGÔN NGỮ ANH**
- Tên tiếng Anh: **ENGLISH LANGUAGE**

Các chuyên ngành:

- Chuyên ngành 1. Ngôn ngữ - Văn hóa – Biên dịch
- Chuyên ngành 2. Kinh tế - Quản trị - Thương mại
- Chuyên ngành 3. Giảng dạy tiếng Anh

Trình độ đào tạo: Đại học chính quy.

Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tên văn bằng tốt nghiệp:

- Tên tiếng Việt: Cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh
- Tên tiếng Anh: Bachelor of English Language

1.2. Mục tiêu đào tạo:

1.2.1. Mục tiêu tổng quát (Program general goals)

Đào tạo cử nhân ngành Ngôn ngữ Anh thông thạo các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc và Viết bằng tiếng Anh, nắm vững các kiến thức về ngôn ngữ học, am hiểu về văn học Anh – Mỹ và văn hóa các nước nói tiếng Anh, có kỹ năng biên phiên dịch và các kỹ năng nghiệp vụ tốt, có khả năng thực hiện các nghiên cứu khoa học quy mô nhỏ, có kỹ năng tin học và ngoại ngữ 2 tốt, có phẩm chất chính trị, đạo đức, có sức khỏe, trách nhiệm nghề nghiệp, có kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, làm việc theo nhóm, có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề, học tập và làm việc tốt trong môi trường quốc tế, có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể (Program specific goals)

- **PO1:** Có kiến thức chuyên sâu về ngôn ngữ học (ngôn ngữ Anh) và các kiến thức, kỹ năng chuyên ngành đặc thù của các chuyên ngành hẹp;
- **PO2:** Có kiến thức về văn hóa các nước sử dụng tiếng Anh và vận dụng vào các tình huống giao tiếp, giảng dạy hoặc dịch thuật;
- **PO3:** Sử dụng tiếng Anh lưu loát trong các tình huống giao tiếp hằng ngày, trong công việc cũng như giao tiếp quốc tế;
- **PO4:** Có năng lực học tập, nghiên cứu, phát triển bản thân, linh hoạt, thích nghi với môi trường làm việc đa dạng và mang tính quốc tế hóa;

- **PO5:** Có kỹ năng giao tiếp hiệu quả, làm việc nhóm và các kỹ năng mềm khác nhằm thực nghiệm, tìm ra giải pháp giải quyết các vấn đề liên quan đến chuyên ngành, có kỹ năng tư duy hệ thống, tư duy phân tích một cách độc lập;
- **PO6:** Có năng lực hoạch định, tổ chức, quản lý các hoạt động liên quan đến chuyên môn;
- **PO7:** Có sức khỏe tốt, phẩm chất chính trị, tuân thủ luật pháp, có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp theo yêu cầu riêng của nghề, có trách nhiệm với xã hội, cộng đồng và có lòng yêu nước.

1.3. Tiêu chí tuyển sinh và các yêu cầu đầu vào:

Thực hiện theo Quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Đề án tuyển sinh của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh.

1.4. Điều kiện tốt nghiệp:

Thực hiện theo Quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Quy chế đào tạo theo hệ thống tín chỉ của Trường Đại học Kinh tế - Tài chính Thành phố Hồ Chí Minh;

Thực hiện theo Quyết định số: /QĐ-UEF ngày / /2020 về việc ban hành Chuẩn đầu ra các ngành đào tạo trình độ đại học, hệ chính quy, khóa 2020.

II. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

2.1. Khối lượng kiến thức:

Kiến thức toàn khóa học: 131 tín chỉ tích lũy + Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy + Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy. Trong đó:

Khối kiến thức và lập luận về ngành		Số tín chỉ	Tỷ lệ %
1.1	Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành	8	6,1 %
1.2	Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi	36	27,5 %
1.3	Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ	42	32,1 %
1.4	Kiến thức nền tảng rộng	29	22,1 %
1.4.1	Khoa học xã hội	6	
1.4.2	Khoa học chính trị	11	
1.4.3	Pháp luật	3	
1.4.4	Tin học	3	
1.4.5	Thiết kế dự án	6	
1.5	Kiến thức đại cương khác	16	12,2 %
1.5.1	Ngoại ngữ 2 (tiếng Nhật, tiếng Pháp, tiếng Hàn)	16	
1.5.2	Giáo dục thể chất (3 tín chỉ) không tích lũy		
1.5.3	Giáo dục quốc phòng an ninh (165 tiết) không tích lũy		
Tổng cộng:		131	100,0 %

2.2. Khung chương trình:

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm-TN; Đồ án – ĐA; Thực tập- TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.1 Kiến thức cơ bản, nền tảng của ngành				8						
1.1.1	ENG2109	Tiếng Anh tăng cường 1	English Enhancement 1	4	4					
1.1.2	ENG2110	Tiếng Anh tăng cường 2	English Enhancement 2	4	4					
1.2 Kiến thức cơ sở ngành cốt lõi				36						
1.2.1	ENC1118	Phát âm	Pronunciation	3	3					
1.2.2	ENC1101	Ngữ pháp 1	Grammar 1	3	3					
1.2.3	ENC1105	Ngữ pháp 2	Grammar 2	3	3				ENC1101	
1.2.4	ENC1119	Nghe - nói 1	Listening - Speaking 1	3	3					
1.2.5	ENC1120	Nghe - nói 2	Listening - Speaking 2	3	3				ENC1119	
1.2.6	LIN1106	Nói trước công chúng	Public Speaking	3	2	1				
1.2.7	ENC1104	Đọc 1	Reading 1	3	3					
1.2.8	ENC1106	Đọc 2	Reading 2	3	3				ENC1104	
1.2.9	ENC1103	Đọc tiếng Anh giao dịch kinh thương	Business Reading	3	3				ENC1106	
1.2.10	ENC1108E	Viết 1	Writing 1	3	2	1				
1.2.11	ENC1109E	Viết 2	Writing 2	3	2	1			ENC1108E	
1.2.12	ENC1110E	Viết tiếng Anh kinh thương	Business Writing	3	2	1			ENC1109E	
1.3 Kiến thức cơ sở ngành nâng cao, phương pháp và công cụ				42						
1.3.1	TRA1101E	Dịch thuật 1	Translation 1	3	3					
1.3.2	TRA1102E	Dịch thuật 2	Translation 2	3	3				TRA1101E	
1.3.3	LIN1102E	Ngôn ngữ học đại cương	Intro to Linguistics	3	3					
1.3.4	LIN1105E	Nhập môn ngôn ngữ học ứng dụng	Introduction to Applied Linguistics	3	3				LIN1102E	
1.3.5	ENC1121	Giao tiếp liên văn hóa	Cross-cultural Communication	3	3					

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm-TN; Đồ án – ĐA; Thực tập- TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.3.6	LIN1109E	Ngôn ngữ và xã hội	Language and Society	3	3					
1.3.7	LIT1101E	Văn học Anh-Mỹ	British and American Literatures	3	3					
1.3.8	PUR1116E	Mạng xã hội và truyền thông tương tác	Social Media and Interactive Communications	3	3					
1.3.9	RES1101E	Phương pháp nghiên cứu khoa học	Research Methodology	3	3					
1.3.10	ENC1322	Thực tập tốt nghiệp	Graduation Internship	3					3	
<i>Sinh viên chọn 1 trong 3 chuyên ngành sau hoặc Khóa luận tốt nghiệp</i>										
Chuyên ngành 1.		Ngôn ngữ - Văn hóa- Biên dịch		Language - Culture - Translation						
1.3.10	TRA1103E	Lý thuyết dịch	Theory of Translation	3	3					
1.3.11	ENC1116E	Kỹ thuật phiên dịch	Techniques in Interpreting	3	3					
1.3.12	LIN1104E	Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa	Translation, Linguistics and Culture	3	3					
1.3.13	LIN1103E	Ngữ nghĩa học	Semantics	3	3				LIN1102E	
1.3.14	ENC1423	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12				12		
Chuyên ngành 2.		Kinh tế - Quản trị - Thương mại		Economics - Administration - Commerce						
1.3.10	MKT1101E	Marketing căn bản	Principles of Marketing	3	3					
1.3.11	MGT1142E	Hành vi tổ chức	Organizational Behavior	3	2	1				
1.3.12	MGT1111E	Quản trị kinh doanh quốc tế	International Business Management	3	2	1				
1.3.13	MGT1110E	Quản trị nguồn nhân lực	Human Resource Management	3	2	1				
1.3.14	ENC1423	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12				12		

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm-TN; Đồ án – ĐA; Thực tập- TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
Chuyên ngành 3.		Giảng dạy Tiếng Anh		English Language Teaching						
1.3.10	LIN1104E	Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa	Translation, Linguistics and Culture	3	3					
1.3.11	ENC1124E	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1	English Language Teaching 1	3	3					
1.3.12	ENC1125E	Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2	English Language Teaching 2	3	3				ENC1124E	
1.3.13	LIN1103E	Ngữ nghĩa học	Semantics	3	3				LIN1102E	
1.3.14	ENC1423	Khóa luận tốt nghiệp	Thesis	12			12			
1.4 Kiến thức nền tảng rộng				29						
1.4.1 Khoa học xã hội				6						
1.4.1.1	SOS1101	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Vietnam Cultural Establishments	3	3					
1.4.1.2	SOC1101	Xã hội học	Sociology	3	3					
1.4.2 Khoa học chính trị				11						
1.4.2.1	POL1111	Triết học Mác – Lênin	Marxist-Leninist Philosophy	3	3					
1.4.2.2	POL1112	Kinh tế chính trị Mác – Lênin	Marxist-Leninist Political Economics	2	2					
1.4.2.3	POL1113	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Scientific Socialism	2	2					
1.4.2.4	POL1114	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Ho Chi Minh Ideology	2	2					
1.4.2.5	POL1115	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	History of the Communist Party of Vietnam	2	2					
1.4.3 Pháp luật				3						
1.4.3.1	LAW1101	Pháp luật đại cương	Basics of Law	3	3					
1.4.4 Tin học				3						
1.4.4.1	ITE1201	Tin học đại cương	Introduction to Computer Basics	3	2	1				

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				<i>(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm-TN; Đồ án – ĐA; Thực tập- TT)</i>						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
1.4.5 Thiết kế dự án				6						
1.4.5.1	SKI1107	Project design 1	Project Design 1	3	3					
1.4.5.2	SKI1108	Project design 2	Project Design 2	3	3				SKI1107	
1.5 Kiến thức đại cương khác				19						
1.5.1 Ngoại ngữ 2 (Sinh viên chọn 1 trong 3 nhóm sau)				16						
		Nhóm 1: Tiếng Nhật								
1.5.1.1	JPN2101	Tiếng Nhật 1	Japanese 1	4	2	2				
1.5.1.2	JPN2102	Tiếng Nhật 2	Japanese 2	4	2	2			JPN2101	
1.5.1.3	JPN2103	Tiếng Nhật 3	Japanese 3	4	2	2			JPN2102	
1.5.1.4	JPN2104	Tiếng Nhật 4	Japanese 4	4	2	2			JPN2103	
		Nhóm 2: Tiếng Pháp								
1.5.2.1	FRA2101	Tiếng Pháp 1	French 1	4	4					
1.5.2.2	FRA2102	Tiếng Pháp 2	French 2	4	4				FRA2101	
1.5.2.3	FRA2103	Tiếng Pháp 3	French 3	4	4				FRA2102	
1.5.2.4	FRA2104	Tiếng Pháp 4	French 4	4	4				FRA2103	
		Nhóm 3: Tiếng Hàn								
1.5.3.1	KOR1136	Tiếng Hàn 1	Korean 1	4	2	2				
1.5.3.2	KOR1137	Tiếng Hàn 2	Korean 2	4	2	2			KOR1136	
1.5.3.3	KOR1138	Tiếng Hàn 3	Korean 3	4	2	2			KOR1137	
1.5.3.4	KOR1139	Tiếng Hàn 4	Korean 4	4	2	2			KOR1138	
1.5.2. Giáo dục thể chất (Sinh viên chọn 1 trong 4 nhóm sau)				3		3				
		Nhóm 1:								
1.5.2.1.1	GYM1311	GDTC-Aerobic 1	Physical Education 1 (Aerobic)	1		1				
1.5.2.1.2	GYM1312	GDTC-Aerobic 2	Physical Education 2 (Aerobic)	1		1				
1.5.2.1.3	GYM1313	GDTC-Aerobic 3	Physical Education 3 (Aerobic)	1		1				

TT	Mã HP	Tên học phần		Số tín chỉ					Mã HP trước	Mã HP song hành
				(Lý thuyết – LT; Thực hành – TH; Thí nghiệm-TN; Đồ án – ĐA; Thực tập- TT)						
		Tiếng Việt	Tiếng Anh	Tổng	LT	TH/TN	ĐA	TT		
		Nhóm 2:								
1.5.2.2.1	GYM1321	GDTC-Vovinam 1	Physical Education 1 (Vovinam)	1		1				
1.5.2.2.2	GYM1322	GDTC-Vovinam 2	Physical Education 2 (Vovinam)	1		1				
1.5.2.2.3	GYM1323	GDTC-Vovinam 3	Physical Education 3 (Vovinam)	1		1				
		Nhóm 3:								
1.5.2.3.1	GYM1331	GDTC-Boxing 1	Physical Education 1 (Boxing)	1		1				
1.5.2.3.2	GYM1332	GDTC-Boxing 2	Physical Education 2 (Boxing)	1		1				
1.5.2.3.3	GYM1333	GDTC-Boxing 3	Physical Education 3 (Boxing)	1		1				
		Nhóm 4:								
1.5.2.4.1	GYM1341	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 1	Physical Education 1 (Body-building)	1		1				
1.5.2.4.2	GYM1342	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 2	Physical Education 2 (Body-building)	1		1				
1.5.2.4.3	GYM1343	GDTC–Thể hình thẩm mỹ 3	Physical Education 3 (Body-building)	1		1				
1.5.3. Giáo dục quốc phòng (165 tiết)										
1.5.3.1	MIL1203	Giáo dục quốc phòng - an ninh	Military Education							

Ghi chú: Mã MH ký hiệu **xxxxxxxE** – môn giảng dạy bằng tiếng Anh.

2.3. Kế hoạch giảng dạy dự kiến:

Phân bố kế hoạch giảng dạy chương trình đào tạo ngành Ngôn ngữ Anh (xem trang cuối cùng)

2.4. Mô tả tóm tắt nội dung các học phần:

Tiếng Anh tăng cường 1 (English Enhancement 1): 4 tín chỉ

Học phần này củng cố cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách sử dụng các thì, các cấu trúc câu cơ bản, thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ cơ bản. Nội dung học phần bao gồm các cơ sở lý thuyết và bài tập thực hành về ngữ pháp, cấu trúc câu, từ vựng và phát âm tiếng Anh trong các tình huống xã hội phổ biến.

Tiếng Anh tăng cường 2 (English Enhancement 2): 4 tín chỉ

Học phần này củng cố cho sinh viên những kiến thức về cách sử dụng các thì, các cấu trúc câu thực hành và phát triển các kỹ năng nghe, nói, đọc và viết ở cấp độ tiền trung cấp. Nội dung học phần bao gồm các cơ sở lý thuyết và bài tập thực hành về ngữ pháp, cấu trúc câu, từ vựng và phát âm tiếng Anh trong các tình huống giao tiếp trong đời sống và trong công việc đòi hỏi có vốn từ vựng và kiến thức ngôn ngữ tương đối phức tạp.

Phát âm (Pronunciation): 3 tín chỉ.

Học phần là môn học cơ bản về ngữ âm trong tiếng Anh. Môn này nhằm giúp sinh viên hệ thống lại cách phát âm các âm trong hệ thống ngữ âm của tiếng Anh, giúp sinh viên có cơ hội thực tập và phát âm chính xác, rõ ràng từng âm trong tiếng Anh, và có khả năng dùng ký hiệu phiên âm quốc tế. Quan trọng hơn, học phần này nhằm giúp sinh viên biết cách nói một phát ngôn tiếng Anh một cách rõ ràng bằng cách dùng ngữ điệu, dấu nhấn từ, và dấu nhấn câu sao cho người đối thoại có thể hiểu được mình khi giao tiếp bằng tiếng Anh.

Ngữ pháp 1 (Grammar 1): 3 tín chỉ.

Học phần giúp sinh viên nắm vững các điểm ngữ pháp trong tiếng Anh: cách dùng thì, động từ đặc biệt, các hình thức câu hỏi, cụm động từ và cấu trúc câu liên quan đến động từ. Các nội dung trong giáo trình được xây dựng theo nhiều chủ đề, có hình ảnh minh họa sống động với nguồn từ vựng phong phú nhằm giúp sinh viên nâng cao kiến thức ngôn ngữ song song với thực hành các chủ điểm ngữ pháp. Cấu trúc của bài học được thiết kế rất thực tế, bắt đầu mỗi bài học, nội dung ngữ pháp được giới thiệu bằng một bài đọc mang tính giao tiếp cao. Thông qua đó người học hình dung được cách sử dụng ngôn ngữ mới, học thêm từ vựng, và nâng cao kỹ năng đọc hiểu.

Ngữ pháp 2 (Grammar 2): 3 tín chỉ.

Học phần giúp sinh viên nắm vững các điểm ngữ pháp trong tiếng Anh: từ hạn định, giới từ, tính từ, trạng từ, câu bị động, câu điều kiện, cách thành lập từ, câu gián tiếp, mệnh đề quan hệ và cách sử dụng liên từ (từ nối) trong mệnh đề chỉ sự nhượng bộ, thời gian, nguyên nhân, kết quả, mục đích. Các nội dung trong giáo trình được xây dựng theo nhiều chủ đề, có hình ảnh minh họa sống động với nguồn từ vựng phong phú nhằm giúp sinh viên nâng cao kiến thức ngôn ngữ song song với thực hành các chủ điểm ngữ pháp. Cấu trúc của bài học được thiết kế rất thực tế, bắt đầu mỗi bài học, nội dung ngữ pháp được giới thiệu bằng một bài đọc mang tính giao tiếp cao. Thông qua đó người học hình dung được cách sử dụng ngôn ngữ mới, học thêm từ vựng, và nâng cao kỹ năng đọc hiểu.

Nghe - nói 1 (Listening-Speaking 1): 3 tín chỉ

Học phần giúp sinh viên phát kỹ năng nghe - nói tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực thương mại. Trong học phần này, sinh viên luyện nghe và nói chung với nhau dựa trên những chủ đề thương mại cơ bản (văn hóa công ty, hỗ trợ khách hàng, sản phẩm, đóng gói sản phẩm, nghề nghiệp, thương lượng trong kinh doanh, công ty và cộng đồng, thương mại quốc tế...) đồng thời rèn luyện năng lực ngôn ngữ như phát âm và từ vựng kết hợp với tư duy phán đoán.

Nghe - nói 2 (Listening-Speaking 2): 3 tín chỉ.

Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng nghe - nói tiếng Anh cơ bản trong lĩnh vực thương mại. Trong học phần này, sinh viên bắt đầu tập nâng cao khả năng nói lưu loát tiếng Anh về những chủ đề thương mại cơ bản như giáo dục và cơ hội nghề nghiệp, công nghệ thông tin, quản lý con người và quản lý dự án, bán hàng qua tiếp thị bằng điện thoại và Internet, kế hoạch chi tiêu và kiểm soát chi tiêu, kiểm soát tài chính. Đồng thời học phần còn giúp sinh viên rèn luyện năng lực ngôn ngữ như phát âm và từ vựng kết hợp với tư duy phán đoán.

Nói trước công chúng (Public Speaking): 3 tín chỉ.

Học phần nhấn mạnh các nguyên tắc cơ bản của kỹ năng giao tiếp và thuyết trình. Ngoài lý thuyết về kỹ thuật trình bày qua lời nói, thuyết trình, học phần này cũng chuẩn bị cho sinh viên các hình thức trình bày như tư thế, ánh mắt, cử chỉ, uôn giọng nói, cách tổ chức, sắp xếp nội dung trình bày và cung cấp các thể loại bài thuyết trình khác nhau như loại thuyết trình đưa thông tin, loại thuyết trình nhằm mục đích thuyết phục và loại thuyết trình mang tính chất xã hội. Ngoài ra, học phần cũng cung cấp cho sinh viên cơ hội để phát triển các kỹ năng và sự hiểu biết để chuẩn bị bài phát biểu mang tính chất học thuật trong môi trường học tập quốc tế và chuẩn bị cho sự trình bày chuyên nghiệp và tự tin trước công chúng. Đặc biệt sinh viên cũng được truyền đạt các nguyên tắc cơ bản để thu hút sự quan tâm, tham gia của khán giả trong quá trình trình bày.

Đọc 1 (Reading 1): 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện đọc hiểu. Đồng thời, học phần giới thiệu các dạng câu hỏi, chiến lược đọc hiểu và kỹ năng làm bài kiểm tra thông qua nhiều bài đọc có nội dung đa dạng và phù hợp trình độ sinh viên.

Đọc 2 (Reading 2): 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc ngữ pháp trong tiếng Anh, và những bài tập rèn luyện đọc hiểu. Đồng thời, học phần giới thiệu các dạng câu hỏi, chiến lược đọc hiểu và kỹ năng làm bài kiểm tra thông qua nhiều bài đọc có nội dung đa dạng và phù hợp trình độ sinh viên thông qua việc giới thiệu các bài đọc và chiến lược làm bài theo hướng đánh giá của bài thi IELTS.

Đọc tiếng Anh giao dịch kinh thương (Business Reading): 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp những kiến thức tổng quát về lĩnh vực kinh thương nhằm giúp sinh viên hiểu rõ nhiều vấn đề về tổ chức doanh nghiệp, văn hóa công sở, thương hiệu, cải tiến dịch vụ & sản phẩm, hỗ trợ khách hàng, quảng cáo, sản phẩm và ứng dụng kiến thức trong việc giao tiếp hiệu quả hơn trong lĩnh vực kinh doanh.

Viết 1 (Writing 1): 3 tín chỉ.

Học phần nhằm giúp sinh viên phát triển kỹ năng viết các loại câu và đoạn văn thuộc một số thể loại cơ bản như văn miêu tả, tường thuật và trình bày quan điểm cá nhân. Các đề tài viết xoay quanh các vấn đề gần gũi với cuộc sống như đời sống sinh viên, khám phá thiên nhiên, thực phẩm, sinh hoạt cộng đồng, văn hóa, sức khỏe. Qua những đề tài viết này, sinh viên có cơ hội phát triển kỹ năng tư duy phản biện, trau dồi từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, từng bước nâng cao kỹ năng viết tiếng Anh của sinh viên.

Viết 2 (Writing 2): 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên kiến thức và phát triển kỹ năng viết một bài luận bằng tiếng Anh ở các thể loại văn bản khác nhau. Cụ thể, học phần giúp sinh viên nắm được cách viết một bài văn hoàn chỉnh, bảo đảm sự mạch lạc, rõ ràng; nắm được cách trình bày và thực hành viết các thể loại bài luận khác nhau. Ngoài ra, học phần cũng là cơ hội để sinh viên ôn lại văn phạm và cấu trúc câu tiếng Anh đã được học từ các học phần trước.

Viết tiếng Anh kinh thương (Business Writing): 3 tín chỉ.

Học phần Viết tiếng Anh kinh thương nhằm giúp sinh viên có thể trình bày các văn bản giao dịch trong lĩnh vực thương mại bằng tiếng Anh. Thông qua học phần, sinh viên nắm được định dạng và hình thức trình bày cũng như ngôn ngữ đặc thù cho các thể loại văn bản thương mại như sơ yếu lý lịch, thư từ giao dịch, emails, bản ghi nhớ và các tài liệu về chiến lược - chính sách.

Dịch thuật 1 (Translation 1): 3 tín chỉ.

Học phần được thiết kế theo hướng dựa trên các chủ đề khác nhau, kết hợp dịch Anh-Việt và Việt-Anh trong cùng chủ đề nhằm giúp sinh viên làm quen với từ vựng và kỹ thuật dịch từ văn bản nguồn là tiếng Anh sang tiếng Việt và ứng dụng các điểm này vào dịch văn bản tiếng Việt sang tiếng Anh. Tài liệu học là các bài báo từ các báo có quy tín nhằm giúp sinh viên tiếp cận với thông tin mới và thực tế.

Dịch thuật 2 (Translation 2): 3 tín chỉ.

Học phần giúp sinh viên phát triển kỹ năng biên - phiên dịch ở cấp độ cao các chủ đề kinh tế - thương mại mang tính thời sự. Sinh viên có thêm cơ hội áp dụng các kiến thức dịch thuật đã học và rèn luyện kỹ năng biên phiên dịch với các chủ đề đa dạng và phù hợp với nhu cầu nhà tuyển dụng. Học phần tập trung giúp sinh viên hoàn thiện các kỹ năng dịch văn bản cũng như dịch đuổi và dịch song song.

Ngôn ngữ học đại cương (Introduction to Linguistics): 3 tín chỉ.

Học phần nhằm giúp sinh viên hiểu được các khái niệm cơ bản thuộc các lĩnh vực khác nhau trong ngôn ngữ học và có thể vận dụng các kiến thức này vào việc nghiên cứu, phân tích các học phần chuyên ngành cũng như vào thực tiễn sử dụng ngôn ngữ.

Nhập môn ngôn ngữ học ứng dụng (Introduction to Applied Linguistics): 3 tín chỉ.

Học phần này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về môn ngôn ngữ học ứng dụng trong các lĩnh vực liên quan đến ngôn ngữ học, đặc biệt là giảng dạy, biên phiên dịch tiếng Anh. Nội dung học phần bao gồm các cơ sở lý thuyết và bài tập thực hành về phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ học ứng dụng, đặc biệt chú trọng cách phân tích và đánh giá các đề kiểm tra tiếng Anh trong quá trình dạy và học.

Giao tiếp liên văn hóa (Intercultural Communication): 3 tín chỉ.

Học phần giúp sinh viên có cái nhìn đa chiều về sự việc, hiện tượng có liên quan đến văn hóa của một địa phương, vùng, toàn cầu, giúp sinh viên tôn trọng sự khác biệt, tôn trọng giá trị đạo đức riêng của mỗi dân tộc được tham chiếu từ chính những chuẩn mực văn hóa của riêng họ nhằm tăng năng lực giao tiếp liên văn hóa với người khác. Thông qua học phần, vấn đề toàn cầu hóa và giao thương quốc tế, những nguyên nhân gây đổ vỡ trong giao tiếp khác vùng miền, khác quốc gia nhìn dưới góc độ văn hóa sẽ được đưa ra bàn luận dưới nhiều góc nhìn khác nhau. Người học có thể hiểu được những khác biệt văn hóa, những giá trị văn hóa đối lập và những khác biệt trong giao tiếp phi ngôn ngữ được sử dụng trên thế giới.

Ngôn ngữ và xã hội (Language and Society): 3 tín chỉ.

Học phần Ngôn ngữ và xã hội giúp sinh viên có được những kiến thức cơ bản về bản chất ngôn ngữ và mối tương quan giữa văn hóa và ngôn ngữ. Sinh viên được cung cấp những khái niệm cơ bản của ngôn ngữ học xã hội. Thông qua đó, sinh viên có thể tìm hiểu và phân tích các yếu tố văn hóa xã hội và yếu tố con người dẫn đến sự đa dạng trong ngôn ngữ, các biến thể khác nhau trong cùng một ngôn ngữ và sự tương tác qua lại giữa các ngôn ngữ khác nhau theo tiến trình lịch sử.

Văn học Anh-Mỹ (American and British Literature): 3 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm trang bị cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về văn chương Anh - Mỹ qua các tác giả và tác phẩm thơ ca, kịch nghệ, và truyện ngắn tiêu biểu. Sinh viên có khả năng giải thích, tóm tắt, phân tích, v.v. các tác phẩm văn chương nói trên liên quan đến những vấn đề như đặc điểm nhân vật, hình tượng, chủ đề, giá trị nhân văn, yếu tố nghệ thuật, v.v. và lựa chọn những cách ứng xử phù hợp nhờ những bài học luân lý rút ra từ các nhân vật và tác phẩm văn chương.

Mạng xã hội và truyền thông tương tác (Social media and interactive communication): 03 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học các kiến thức về vai trò của mạng xã hội trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp hiện nay, bao gồm: quá trình truyền thông và tương tác trên mạng xã hội, vai trò của người dùng; Tầm quan trọng của việc sử dụng mạng xã hội nhằm xây dựng hình ảnh tổ chức và gắn kết với khách hàng trong hoạt động của tổ chức, doanh nghiệp.

Phương pháp nghiên cứu khoa học (Research Methodology): 3 tín chỉ.

Học phần giúp sinh viên nắm vững các khái niệm liên quan đến nghiên cứu khoa học, cách thiết kế một nghiên cứu, phân biệt được sự khác nhau giữa nghiên cứu định tính và định lượng, các kỹ thuật và phương pháp thu dữ liệu, kỹ thuật chọn mẫu, kỹ thuật phân tích dữ liệu và viết báo cáo nghiên cứu khoa học.

Lý thuyết dịch (Theory of Translation): 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên các khái niệm, thuật ngữ liên quan tới dịch thuật. Học phần đi sâu vào phân tích các vấn đề liên quan đến ngôn ngữ trong dịch thuật, các dạng văn bản dịch thuật, phân tích nghĩa, so sánh sự tương quan về nghĩa giữa các ngôn ngữ có liên quan, các xu hướng dịch thuật. Học phần trang bị cho sinh viên cơ sở lý thuyết để áp dụng vào quá trình dịch thuật (biên dịch và phiên dịch) trong các học phần chuyên sâu tiếp theo.

Kỹ thuật phiên dịch (Interpretation Techniques) : 3 tín chỉ.

Học phần trang bị cho sinh viên lý thuyết, loại hình và kỹ thuật phiên dịch. Học phần giúp sinh viên phát triển khả năng phân tích ngữ nghĩa dựa trên các ngữ cảnh giao tiếp ở cấp độ khá chuyên sâu và phiên dịch nội dung sang ngôn ngữ mục tiêu. Đồng thời, môn học giúp sinh viên củng cố, phát triển và am hiểu sâu sắc hơn các kiến thức đa dạng về xã hội, văn hóa, văn học, y khoa, khoa học, kinh tế, pháp luật, kỹ thuật công nghệ.

Dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa (Translation, Linguistics and Culture): 3 tín chỉ

Học phần phân tích hoạt động dịch thuật dưới góc độ ngôn ngữ học và văn hóa. Sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức liên quan đến ngôn ngữ học và văn hóa làm nền tảng lý thuyết cho việc thực hành dịch thuật. Học phần giúp sinh viên nhận thức rõ hơn vai trò và mối quan hệ khăng khít giữa dịch thuật, ngôn ngữ và văn hóa và chú ý tới các yếu tố này trong quá trình biên phiên dịch.

Ngữ nghĩa học (Semantics): 3 tín chỉ.

Học phần Ngữ nghĩa học cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về ngữ nghĩa học, giúp sinh viên thấy được mối quan hệ về nghĩa giữa các từ vựng trong tiếng Anh, các khía cạnh ngữ nghĩa trong việc phân tích ngôn ngữ. Học phần nằm trong nhóm các môn học chuyên sâu, đóng vai trò quan trọng trong chương trình đào tạo và là cơ sở để sinh viên có thể tự nghiên cứu thêm về ngành học của mình.

Marketing căn bản (Marketing Principles): 3 tín chỉ.

Học phần giúp sinh viên nắm rõ những khái niệm, bản chất, các chức năng cơ bản của Marketing trong doanh nghiệp như nghiên cứu thị trường, định vị thị trường, tạo sản phẩm, định giá, phân phối sản phẩm. Môn học cũng cung cấp các nội dung tổng quan về marketing trong quản trị kinh doanh, các nội dung căn bản về hành vi tiêu dùng của khách hàng cá nhân, khách hàng doanh nghiệp, phân biệt hỗn hợp marketing 4P và 7P, cách thức phân tích môi trường Marketing, hoạt động phân khúc thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường, các chiến lược sản phẩm, chiến lược giá cả, chiến lược phân phối và chiến lược xúc tiến. Ngoài ra môn học cũng trình bày các kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức, thực hiện và kiểm soát marketing trong toàn bộ tiến trình, tất cả đều giúp sinh viên có nền tảng kiến thức cho các môn học tiếp theo.

Hành vi tổ chức (Organizational Behavior): 3 tín chỉ.

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản để phân tích, giải thích và dự đoán hành vi con người trong bối cảnh tổ chức, ảnh hưởng của hành vi đến việc thực hiện nhiệm vụ. Môn học giúp sinh viên hiểu rằng nghiên cứu hành vi tổ chức dựa trên nền tảng các nghiên cứu của tâm lý học và xã hội học, được thực hiện trên cả ba cấp độ: cá nhân, nhóm và tổ chức; hiểu được sự ảnh hưởng của các yếu tố như tính cách, nhận thức, học tập, các giá trị và thái độ ảnh hưởng đến hành vi cá nhân; hiểu được nhóm ảnh hưởng như thế nào đến hành vi cá nhân và các dạng hành vi trong nhóm; nhận dạng được các loại xung đột và chọn chiến lược giải quyết xung đột; nắm được các vấn đề liên quan đến văn hoá tổ chức, các đặc tính của văn hóa tổ chức, nhận dạng được văn hoá tổ chức, sự ảnh hưởng của văn hoá tổ chức đến sự phát triển của một tổ chức.

Quản trị kinh doanh quốc tế (International Business Management): 3 tín chỉ.

Học phần nhằm giới thiệu cho sinh viên các khái niệm cơ bản liên quan đến toàn cầu hoá, kinh doanh quốc tế, và tổng quan về kinh doanh quốc tế hiện nay. Học phần này cũng nhấn mạnh các vấn đề và thách thức mà doanh nghiệp phải đối mặt khi tham gia hoạt động kinh doanh quốc tế, đó là sự đa dạng của môi trường kinh doanh toàn cầu với các nền văn hoá

khác nhau, hệ thống chính trị, hệ thống pháp luật và tài chính ở các quốc gia khác nhau trên thế giới. Sinh viên hiểu được môi trường kinh doanh quốc tế và đánh giá cơ hội kinh doanh tiềm năng tại các thị trường mục tiêu để có thể lựa chọn và xây dựng các chiến lược để thâm nhập thành công trên thị trường quốc tế.

Quản trị nguồn nhân lực (Human Resources Management): 3 tín chỉ.

Học phần giúp sinh viên hiểu một cách tổng quát các khái niệm về quản trị nguồn nhân lực, nắm được các giải pháp làm cho nhân viên hài lòng với công việc, gắn bó với tổ chức, và tích cực làm việc. Sinh viên cũng hiểu được tác động của môi trường ảnh hưởng đến quản trị nguồn nhân lực, nắm vững và áp dụng được các phương pháp phân tích công việc và thiết kế được các bảng mô tả công việc, nắm vững các khái niệm hoạch định nguồn nhân lực, nắm vững các khái niệm, tiến trình, và các phương pháp tuyển mộ và tuyển chọn nhân viên; hiểu và ứng dụng tiến trình và các phương pháp đào tạo và phát triển, các phương pháp đánh giá thành tích nhân viên một cách khoa học; hiểu được các yếu tố của cơ cấu tiền lương đồng thời nắm vững các biện pháp kích thích lao động gián tiếp và trực tiếp.

Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 1 (English Language Teaching 1):

3 tín chỉ

Học phần giúp sinh viên hiểu được các đặc trưng về quá trình học tiếng Anh, các đặc điểm người học, tổng quan về các phương pháp giảng dạy tiếng Anh và liên hệ với thực tế giảng dạy tiếng Anh tại Việt Nam. Học phần thuộc nhóm các môn học chuyên ngành nhằm giúp sinh viên có được các kiến thức và kỹ năng tương đối chuyên sâu thuộc lĩnh vực giảng dạy tiếng Anh. Đây là hành trang cần thiết để sinh viên tốt nghiệp ra trường có thể áp dụng vào thực tiễn giảng dạy tiếng Anh.

Lý luận và phương pháp giảng dạy tiếng Anh 2 (English Language Teaching 2):

3 tín chỉ.

Học phần giúp sinh viên phát triển kiến thức về các kỹ năng và phương pháp giảng dạy, kỹ năng triển khai các hoạt động lớp, soạn giáo án, giảng thử. Học phần này còn giúp cho sinh viên phát triển những kiến thức và kỹ năng tương ứng với phân ngành đã chọn. Học phần chú trọng cả lý thuyết và thực hành để đảm bảo sinh viên nắm được các yếu tố cốt lõi về các yếu tố tâm lý của người dạy và người học, quá trình dạy và học ngoại ngữ cũng như các phương pháp giảng dạy các kỹ năng và yếu tố ngôn ngữ. Bên cạnh đó, sinh viên có cơ hội thực hành giảng thử và nhận được ý kiến góp ý từ giảng viên và các bạn sinh viên cùng lớp để có thể hoàn thiện giáo án và bài giảng cũng như có sự tự tin khi đứng lớp.

Thực tập tốt nghiệp: 3 tín chỉ

Chương trình thực tập tốt nghiệp là học phần bắt buộc. Học phần này giúp sinh viên: Tham gia vào hoạt động thực tế của ngành, chuyên ngành nhằm thực hành kỹ năng nghề nghiệp cũng như rèn luyện thái độ làm việc chuyên nghiệp, phát triển các mối quan hệ nhằm chuẩn bị cho nghề nghiệp tương lai; Vận dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc quan sát, mô tả hoạt động của đơn vị thực tập; Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả làm việc của mình dưới hình thức một bản Báo cáo thực tập tốt nghiệp.

Chuyên ngành Ngôn ngữ - Văn hóa – Biên dịch:

- Hiểu và mô tả được quy trình tiếp nhận văn bản dịch thuật, quy trình dịch, chỉnh sửa và kiểm tra độ chính xác của bản dịch tại đơn vị thực tập;
- Phát triển các kỹ năng biên phiên dịch thông qua các hoạt động thực hành biên phiên dịch tại đơn vị thực tập;

- Xác định được mảng dịch thuật chuyên sâu để đầu tư cho công việc tương lai.
- Phát triển kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế.

Chuyên ngành Kinh tế - Quản trị - Thương mại

- Hiểu và mô tả được những đặc trưng, cơ cấu tổ chức quản lý, chức năng và nhiệm vụ các bộ phận trong đơn vị thực tập;
- Mô tả được những quy trình nghiệp vụ cụ thể/ quy trình làm việc của một thư ký, trợ lý, nhân viên văn phòng tại các đơn vị thực tập;
- Biết, hiểu và vận dụng được những kỹ năng làm việc, kỹ năng chuyên môn tại một bộ phận nghiệp vụ phù hợp ngành, chuyên ngành đào tạo.
- Phát triển kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế.

Chuyên ngành Giảng dạy Tiếng Anh

- Hiểu và mô tả được các hoạt động đào tạo của trường học, trung tâm ngoại ngữ sinh viên tham gia thực tập;
- Thiết kế bài giảng và trợ giảng hoặc đứng lớp theo hướng dẫn và phân công của chuyên viên tại đơn vị thực tập và giáo viên hướng dẫn;
- Phát triển các kỹ năng quản lý lớp học, tạo động lực cho người học, giao tiếp trên lớp học, phối hợp với chuyên viên hướng dẫn trong các hoạt động đào tạo.
- Phát triển kỹ năng trình bày một báo cáo nghiên cứu thực tế.

Khóa luận tốt nghiệp: 12 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết và kỹ năng tư duy đã học vào việc nghiên cứu một vấn đề cụ thể gắn với hoạt động ngành, chuyên ngành được đào tạo. Kết thúc học phần, mỗi sinh viên phải trình bày kết quả nghiên cứu của mình dưới hình thức một đề tài tốt nghiệp. Học phần này có mục tiêu giúp sinh viên:

- Có khả năng phát hiện một vấn đề nghiên cứu có ý nghĩa về lý luận và thực tiễn. Vấn đề nghiên cứu có thể gắn với hoạt động của đơn vị thực tập tốt nghiệp cũng có thể là một vấn đề vĩ mô gắn với hoạt động của ngành, chuyên ngành được đào tạo. Biết nhận diện và xác định: Tính cấp thiết của vấn đề nghiên cứu; Đối tượng nghiên cứu, Phạm vi nghiên cứu, Câu hỏi nghiên cứu cho các mục tiêu nghiên cứu cụ thể. Đồng thời xây dựng kế hoạch nghiên cứu vấn đề đã được xác định;
- Có thể tổng hợp, hệ thống hóa những vấn đề lý thuyết (nghiên cứu trước) có liên quan vấn đề nghiên cứu đã xác định (Literature Review). Biết xây dựng danh mục tài liệu trích dẫn hay danh mục tham khảo (References, Bibliography);
- Có thể tổng hợp, phân tích vấn đề nghiên cứu đã xác định. Biết vận dụng các hình thức thu thập dữ liệu, sử dụng các công cụ xử lý dữ liệu phù hợp. Từ đó, có thể đánh giá thực trạng, phát hiện và đề xuất giải quyết những vấn đề bất cập của đối tượng nghiên cứu.
- Phát triển phương pháp nghiên cứu khoa học và kỹ năng trình bày báo cáo nghiên cứu.

Cơ sở văn hóa Việt Nam: 3 tín chỉ.

Cơ sở văn hóa Việt Nam là học phần nghiên cứu khái quát về văn hóa Việt Nam, bao gồm: điều kiện tự nhiên và xã hội chi phối sự hình thành văn hóa Việt Nam, cơ sở hình thành và quá trình định hình bản sắc văn hóa truyền thống Việt Nam. Học phần xác định các vùng, các đặc trưng bản sắc của văn hóa truyền thống Việt Nam, sự phát triển, tiếp biến văn hóa truyền thống Việt Nam trong quá trình công nghiệp hóa và hội nhập toàn cầu hóa. Học phần trang bị kiến thức nền tảng nhằm giúp người học lý giải các hiện tượng xã hội từ góc độ văn hóa, đảm bảo phong văn hóa cho cử nhân Ngôn ngữ Anh khi tổ chức các hoạt động nghề nghiệp.

Xã hội học: 3 tín chỉ.

Học phần xã hội học đại cương trình bày những nội dung cơ bản của Xã hội học: đối tượng nghiên cứu, hệ thống khái niệm, những vấn đề cơ bản của Xã hội học; Một số nhà xã hội học kinh điển và hiện đại với những quan điểm lý thuyết của họ đóng góp vào sự phát triển của Xã hội học; Giới thiệu hướng tiếp cận lý thuyết của Xã hội học; Phương pháp nghiên cứu xã hội và phương pháp nghiên cứu xã hội học.

Triết học Mác-Lênin: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Triết học Mác –Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, bao gồm: Chương 1- trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác –Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vật thể vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3- trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng xã hội; ý thức xã hội; triết học về con người.

Kinh tế chính trị Mác-Lênin: 2 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức khoa học nền tảng về Kinh tế chính trị Mác–Lênin; Nâng cao năng lực tư duy nhận thức khoa học, tư duy phản biện khoa học về thế giới khách quan, các học thuyết kinh tế; Hiểu được và biết vận dụng vào trong quá trình phân tích, xử lý, đánh giá hệ thống vấn đề khoa học lý thuyết và khoa học thực tiễn trong từng chương trình đào tạo ngành, chuyên ngành theo hệ thống quan điểm khoa học, theo tính chất, bản chất của từng hoạt động ngành nghề sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, tư vấn trong cuộc sống xã hội. Nội dung chương trình gồm 6 chương: Trong đó, chương 1- bàn về đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác – Lênin. Từ chương 2 đến chương 6 trình bày nội dung cốt lõi của kinh tế chính trị Mác – Lênin, cụ thể các vấn đề như: Hàng hóa, thị trường và vai trò của các chủ thể trong nền kinh tế thị trường; Giá trị thặng dư và quan hệ lợi ích trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng XHCN ở Việt Nam; Cách mạng công nghiệp và hội nhập kinh tế quốc tế trong phát triển của Việt Nam.

Chủ nghĩa xã hội khoa học: 2 tín chỉ

Nội dung học phần gồm 7 chương: Trong đó, chương 1 trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH). Từ chương 2 đến chương 7 trình bày nội dung cơ bản của CNXHKKH.

Tư tưởng Hồ Chí Minh: 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học kiến thức tư duy nhận thức khoa học hệ thống quan điểm toàn diện và sâu sắc về những vấn đề cơ bản của cách mạng Việt Nam; Hiểu được các quan điểm tư tưởng về giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp, giải phóng con người, về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại, về sức mạnh của nhân dân, của khối đại đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế, xây dựng nhà nước thật sự của dân, do dân và vì dân; về quốc phòng toàn dân, về phát triển kinh tế và văn hóa, về đạo đức cách mạng và con người mới. Người học biết vận dụng và quá trình tự rèn luyện học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong thời đại mới.

Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam (CSVN): 02 tín chỉ

Học phần cung cấp cho người học về kiến thức vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam, ngoài chương nhập môn gồm 03 chương nội dung, cụ thể: Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến giành độc lập, thống nhất đất nước, xây dựng và bảo vệ miền Bắc (1945 - 1975); Đảng lãnh đạo cả nước qua độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018)..

Pháp luật đại cương: 3 tín chỉ

Học phần Lý luận về Nhà nước nghiên cứu hiện tượng Nhà nước theo quan điểm của chủ nghĩa Max- Lenine. Học phần giải quyết các vấn đề lý luận chung nhất về Nhà nước: nguồn gốc, bản chất, các kiểu, chức năng của nhà nước. Các nguyên tắc tổ chức bộ máy nhà nước, hình thức tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước.

Tin học đại cương: 3 tín chỉ

Học phần cung cấp cho sinh viên những kiến thức sau:

- Khái niệm cơ bản về công nghệ thông tin
- Khái niệm và các thao tác cơ bản trên một số đối tượng do hệ điều hành quản lý: tập tin, thư mục, ổ đĩa, ...
- Tiện ích trên Internet: web, thư điện tử, tìm kiếm thông tin, ...
- Sử dụng các phần mềm tiện ích thông dụng.
- Ứng dụng soạn thảo văn bản.
- Ứng dụng bảng tính.
- Trình bày báo cáo bằng phần mềm trình diễn.

Project Design 1: 3 tín chỉ

Học phần Thiết kế dự án 1 đóng vai trò quan trọng (như mục tiêu nêu trên) trong việc hỗ trợ sinh viên đạt chuẩn quốc tế CDIO [Conceive – Design – Implement – Operate: Hình thành ý tưởng - Thiết kế ý tưởng - Thực hiện ý tưởng - Vận hành] trong giáo dục đào tạo, đảm bảo các chuẩn đầu ra theo quy định của nhà trường, đồng thời đáp ứng yêu cầu cao về kỹ năng của thị trường lao động.

Project Design 2: 3 tín chỉ

Với quan niệm “Người học là trung tâm”, môn học tập trung hình thành và phát triển các kỹ năng phát hiện và giải quyết vấn đề thông qua chủ đề lớp qua 12 bước cơ bản: 1) Phát hiện vấn đề; 2) Khảo sát sự tồn tại của vấn đề; 3) Khảo sát nhu cầu giải quyết vấn đề và thiết lập các chỉ số mục tiêu; 4) Khảo sát các giải pháp hiện có của vấn đề; 5) Phân tích nguyên nhân của vấn đề và thiết lập các điều kiện ràng buộc cho giải pháp; 6) Chọn nguyên nhân giải quyết; 7) Khảo sát thực trạng vấn đề cụ thể, 8) Khảo sát như câu giải quyết vấn đề cụ thể; 9) Khảo sát các giải pháp hiện có; 10) Thiết lập các đặc tính kỹ thuật; 11) Đề xuất đánh giá lựa chọn giải pháp; 12) Kế hoạch hiện thực hoá giải pháp. Sinh viên làm việc theo từng nhóm thiết lập các chủ đề nhóm để giải quyết vấn đề tự chọn thuộc khuôn khổ chủ đề lớp.

Với sự hướng dẫn của giảng viên, sinh viên xác định mức độ tự chủ của mình trong quá trình hoàn thành trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm của một thành viên trong nhóm.

Sinh viên tìm kiếm thông tin để chứng minh cho sự tồn tại của vấn đề, nhu cầu giải quyết vấn đề, tìm hiểu các giải pháp hiện tại đối với vấn đề, phân tích các nguyên nhân của vấn đề, thiết lập các chỉ số cơ bản về thiết kế giải pháp, hình thành khái niệm giải quyết vấn đề. Sinh viên sử dụng kiến thức liên ngành trong quá trình hình thành khái niệm giải pháp. Quá trình tìm và giải quyết vấn đề mang tính khoa học và lô-gic cao.

Tiếng Nhật 1: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản về tiếng Nhật. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật cơ bản (chào hỏi, giới thiệu); Bài học phần 1: Đọc và viết được Hiragana và Katakana; Xung hô các ngôi trong giao tiếp; Giới thiệu bản thân; Hỏi thông tin cơ bản (tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp). Thời gian học chủ yếu là luyện nói, nghe và hoạt động hội thoại nhóm. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, để có thêm thời gian cho sinh viên thực tập hội thoại.

Tiếng Nhật 2: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản, thuộc từ vựng và mẫu câu thông dụng. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Nhật cơ bản (mô tả thời gian, các hoạt động đơn giản trong cuộc sống). Bài học phần 2: Sử dụng đúng các trợ từ đã học: は、も、で、に、を、へ; Nắm bắt và vận dụng được cách nói thời gian, phương tiện, nơi chốn; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản.

Tiếng Nhật 3: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu đã học theo nhiều đề tài. Bài học phần 3: Sử dụng đúng các tính từ mô tả màu sắc, tính chất sự vật, miêu tả sở thích; Nhớ và vận dụng được các hậu tố đếm cái, người, tầng; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (hỏi lý do, trả lời lý do); Giới thiệu sở thích và thói quen cá nhân.

Tiếng Nhật 4: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Nhật ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu và cách chia thể của động từ, Hiểu và ứng dụng được ngữ pháp đã học trong giao tiếp cơ bản. Bài học phần 4: Diễn đạt được ý muốn, mục đích, gợi ý giúp đỡ, mệnh lệnh yêu cầu, xin phép; Biết cách chia thể ㅃ và ứng dụng thể ㅃ vào ngữ pháp đã học; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (về ý muốn, mục đích); Biết sử dụng câu tiếp diễn, yêu cầu, đề nghị.

Tiếng Pháp 1: 4 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày như miêu tả người, vật, lên kế hoạch cho bản thân.

Tiếng Pháp 2: 4 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng cơ bản trong giao tiếp hàng ngày ở cấp độ tương đối phức tạp hơn so với học phần Tiếng Pháp 1.

Tiếng Pháp 3: 4 tín chỉ.

Học phần này giúp sinh viên phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, và Viết cũng như kiến thức cơ bản về ngữ pháp và sử dụng được các từ vựng ở mức độ khá phức tạp và liên quan đến việc giải quyết các tình huống yêu cầu mức độ ngôn ngữ ở mức tiên trung cấp.

Tiếng Pháp 4: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho sinh viên vốn từ vựng, cấu trúc văn phạm ở cấp độ trung cấp trong tiếng Pháp, và những bài tập rèn luyện 4 kỹ năng, đặc biệt chú trọng kỹ năng nghe và nói. Sinh viên được rèn luyện ngữ âm và khả năng diễn đạt tự tin với những ngữ liệu được cung cấp trong giáo trình xoay quanh các chủ đề quen thuộc trong cuộc sống, giao tiếp học thuật và công sở như thể hiện sự đồng ý hay phản đối trong lúc thảo luận, phản hồi thông tin.

Tiếng Hàn quốc 1: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản về tiếng Hàn. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn cơ bản (chào hỏi, giới thiệu); Bài học phần 1: Đọc và viết được bảng chữ cái Kanata; Xưng hô các ngôi trong giao tiếp; Giới thiệu bản thân; Hỏi thông tin cơ bản (tên, tuổi, chỗ ở, nghề nghiệp). Thời gian học chủ yếu là luyện nói, nghe và hoạt động hội thoại nhóm. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, để có thêm thời gian cho sinh viên thực tập hội thoại.

Tiếng Hàn quốc 2: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên làm quen nắm được kiến thức cơ bản, thuộc từ vựng và mẫu câu thông dụng. Có kỹ năng giao tiếp tiếng Hàn cơ bản (mô tả thời gian, các hoạt động đơn giản trong cuộc sống). Bài học phần 2: Sử dụng đúng các trợ từ đã học; Nắm bắt và vận dụng được cách nói thời gian, phương tiện, nơi chốn; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản.

Tiếng Hàn quốc 3: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu đã học theo nhiều đề tài, phân biệt và nhận diện được hệ thống chữ Kanata trong tiếng Hàn. Bài học phần 3: Sử dụng đúng các tính từ mô tả màu sắc, tính chất sự vật, miêu tả sở thích; Nhớ và vận dụng được các hậu tố đếm cái, người, tầng; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (hỏi lý do, trả lời lý do); Giới thiệu sở thích và thói quen cá nhân. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, chủ yếu xoay quanh hoạt động cá nhân, trường lớp, gia đình trong các tình huống giao tiếp tương đối phức tạp.

Tiếng Hàn quốc 4: 4 tín chỉ.

Học phần được thiết kế nhằm cho sinh viên hiểu và ứng dụng được tiếng Hàn ở trình độ sơ cấp, thuộc từ vựng và mẫu câu và cách chia thể của động từ, phân biệt và nhận diện được hệ thống chữ Kanata trong tiếng Hàn, Hiểu và ứng dụng được ngữ pháp đã học trong giáo tiếp cơ bản. Bài học phần 4: Diễn đạt được ý muốn, mục đích, gợi ý giúp đỡ, mệnh lệnh yêu cầu, xin phép; Hỏi đáp, trao đổi thông tin về hoạt động cá nhân đơn giản (về ý muốn, mục đích); Biết sử dụng câu tiếp diễn, yêu cầu, đề nghị. Lượng kiến thức cũng được bố trí phù hợp, chủ yếu xoay quanh hoạt động cá nhân, trường lớp, gia đình, giao tiếp xã hội và trong công việc ở mức độ khá phức tạp.

Giáo dục thể chất 1, 2, 3: 3 tín chỉ

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất, các kỹ thuật, phương pháp tập luyện nhằm rèn luyện và nâng cao sức khỏe, thẩm mỹ. Người học có thể chọn các học phần yêu thích để tập luyện phù hợp với thể lực của bản thân như: Thể hình thẩm mỹ (GYM), Aerobic, Boxing, Vovinam.

Giáo dục quốc phòng – an ninh: 165 tiết (05/2020/TT-BGDĐT, ngày 18/03/2020)

Học phần trang bị cho người học hiểu biết cơ bản về chủ trương, đường lối quốc phòng, an ninh của Đảng, Nhà nước về xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, yêu chủ nghĩa xã hội. Nắm được kiến thức cơ bản về công tác quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Thực hiện kỹ năng cơ bản về kỹ thuật, chiến thuật quân sự cấp trung đội, biết sử dụng súng ngắn và một số loại vũ khí bộ binh thường dùng. Môn học được phân thành 04 phần: phần 1- Đường lối quốc phòng an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam, phần 2- Công tác quốc phòng an ninh, phần 3- Quân sự chung, chiến thuật, kỹ thuật bắn súng ngắn và sử dụng lựu đạn, phần 4- Hiểu biết chung về quân, binh chủng.